

CHẾ LAN VIÊN: NGƯỜI MỘT ĐỜI ĐI TÌM CÁI TÔI – BẢN LĨNH NGHỆ THUẬT

Đoàn Trọng Huy*

TÓM TẮT

Chế Lan Viên là người một đời đi tìm *Cái Tôi* nghệ sĩ để xác định cái *bản ngã thi sĩ* và *bản lĩnh nghệ thuật*. Câu hỏi *Ta là ai?* luôn đeo bám suốt đời, câu trả lời chính là sự khẳng định *Cái Tôi* một đời hoạt động nghệ thuật.

Chế Lan Viên chính là một trong những nhà cách tân thơ lớn, đã đáp ứng được kiếm tìm đổi mới trên tất cả các phương diện sáng tạo nghệ thuật suốt hành trình thơ thế kỷ.

Đó là sự tìm kiếm trên ba phương diện cơ bản nhất: *tư duy nghệ thuật*, *bản lĩnh nghệ thuật* và bao trùm là *quy luật nghệ thuật mới*.

ABSTRACT

**Che Lan Vien: a person devoting all his life
to discover the artist self – art characteristics**

Che Lan Vien is a person who devoted all his life to discover the artist *self* to identify the “*poet self* and *art characteristics*”. The question “*who am I*” always pursued his life, the answer to this question was the affirmation of the *self* in his all art activities.

Che Lan Vien is one of the great innovative poets, he met the requirements of innovation in all aspects of art creation in the journey of poetry.

That was discovery in three basic aspects: *thoughts of art*, *characteristics of art* and *new rules of art*.

Câu trả lời cho *Ta là ai* đã dần dần hiện rõ với Chế Lan Viên trên từng chặng đường lịch sử của đời người, đời thơ. Đó là giải đáp về thân phận, về tư cách, về vị thế con người nhà thơ giữa cuộc đời này, trong đất nước này, dân tộc này. Con người hiện hữu, con người tự do, con người làm nên lịch sử cũng là nhà thơ – công dân, nhà thơ – chiến sĩ.

Tuy nhiên, câu hỏi *Ta là ai* cũng là câu hỏi về *bản lĩnh nghệ thuật*, về *phẩm cách nghệ sĩ*. Nó bao gồm trong đó mục tiêu lý tưởng nghệ thuật, cá tính

* PGS TS – Trường ĐH Sư phạm Hà Nội

sáng tạo với các nguyên tắc và phương tiện phản ánh nghệ thuật để đạt tới tuyệt đỉnh của chân, thiện, mỹ.

Đã xa rồi – văn học và nghệ thuật của *cái Ta* mà người ta cho thực chất là phi cá thể thời kỳ cổ điển. Kiểu loại văn học hiện đại được manh nha từ lâu đòi hỏi xuất hiện. Khoảng những năm 30 của thế kỷ XX đã chứng kiến sự khủng hoảng của chủ nghĩa cá nhân nhằm khẳng định cái tôi nghệ sĩ – một biểu hiện bản lĩnh của cá tính sáng tạo nghệ thuật.

Chế Lan Viên chính là một trong những người đã đáp ứng được kiếm tìm đổi mới trên tất cả các phương tiện của sáng tạo nghệ thuật trong suốt hành trình thế kỷ.

1. Kiếm tìm tư duy nghệ thuật mới

Thời *Điều tàn*, Chế Lan Viên đã tìm câu trả lời về bản thể luận – bản ngã nghệ sĩ và bản chất nghệ thuật hay bản lĩnh nghệ thuật. Lời *Tựa* tập thơ được coi là tuyên ngôn: làm thơ là làm sự phi thường, nhà thơ là loại người siêu phàm: nửa thần thánh nửa ma quỷ, vừa tỉnh thức vừa điên dại... Tư duy siêu hình đã dẫn nhà thơ đến bến bờ của chủ nghĩa siêu thực. Nhà thơ còn bị cầm tù trong một thi pháp cũ, tro mòn với quan niệm nghệ thuật còn nhiều xa lạ.

Muốn đổi đời – bao gồm cả đời thơ – phải “đổi lời” tức là đổi tuyên ngôn, đổi quan niệm, mà trước hết là đổi tư duy. “Phá cô đơn” là phương châm hành động đúng để đập vỡ vỏ ốc nghệ thuật cá nhân tìm sự hoà hợp mới của *cái Tôi*, cũng tức là từ bỏ tư duy nghệ thuật cũ. Cái Tôi mới cần có bộ óc cùng con tim mới.

Nói một cách khái quát nhất, *tư duy khoa học* đã chiếm lĩnh bộ óc được cải tạo. Tư duy khoa học ấy cũng có thể định nghĩa là tư duy duy vật biện chứng của triết học tiên tiến thời đại.

Nhờ đó, có thể xác định các *mối quan hệ* của sự vật, hiện tượng.

Trong thơ, đặc biệt mảng lý luận về nghệ, về thơ, về nhà thơ, Chế Lan Viên nói một cách sinh động những lý lẽ của một nhà nghiên cứu, phê bình về những khái niệm, những luận điểm. Kiểu nói ấy ta thường gọi là phê bình nghệ sĩ để phân biệt với phê bình hàn lâm có tính sách vở đơn thuần, bản thân nó mang sức hấp dẫn riêng. Tìm trong những phát biểu ấy ta thấy nhà thơ đã xác định nhiều mối quan hệ trong đó nổi bật quan hệ thơ và nhà thơ với cộng đồng xã hội, với

nhân quần, nhân thế, nhân sinh và với đời sống nghệ thuật. Cũng tức là *quan hệ nội tại* và *quan hệ bên ngoài của thơ*.

Chế Lan Viên nhiều lần bàn luận về thơ và văn xuôi, và sâu hơn: chất văn xuôi tức cái thể tục, cái thường ngày trong thơ để phê phán và chối bỏ sự đối lập hai kiểu sáng tác trữ tình và tự sự. Thơ xưa *hát* và thơ nay phải *nói*, hơn thế còn phải “*đập bàn quát tháo*”. Đó là lý do để khuynh hướng chính luận và triết luận thể hiện trong thơ. Điều này có nguồn gốc sâu xa từ quan niệm xâm nhập lẫn nhau của các thể loại. Trong thơ có *họa* (thi trung hữu họa) không phải là điều mới. Nhưng thơ nên *nhạc* được phát huy mạnh với Chế Lan Viên: sự gia tăng nhạc điệu và nhịp điệu trong thơ. Có một liên hệ bất ngờ: *Múa rối và thơ*. Cái quan hệ ở đây là lấy cái hư để nói cái thật: *Có những câu thơ đất – đối – đất/ Vẫn phải qua trời bằng những đường cong/ Có những câu thơ phải bắn cầu vòng/ Dù người ngắm vẫn là nhắm thẳng*. Nhà thơ kết luận: “*Một số bài thơ, một số vở múa rối, đã dùng biện pháp cong ấy*” và đi đến một khái quát xa hơn: “*Trong nghệ thuật cũng vậy. Có thể có những loại phối hợp nhiều ngành, lơ lửng giữa nhiều ngành*”. Lại có sự phát hiện thú vị và kỳ lạ khác: thơ và công nghệ, thơ và khoa học. Có thể dễ tìm ra những thành ngữ về địa chất học, địa lý học, sinh vật học, toán học hoặc khoa học quân sự (như dẫn chứng trên) trong cách biểu đạt ý tưởng, cảm xúc thơ Chế Lan Viên. Nhà thơ đã từng phát biểu nghiêm trang vấn đề di truyền và biến dị trong sinh vật học (bài dẫn trên) để nói về kế thừa và canh tân trong văn học, nghệ thuật.

Chỉ riêng nói về liên hệ nội tại trong văn thơ cổ, kim cũng đã rất phong phú. Mọi quan hệ này còn bao trùm cả vấn đề dân tộc và nhân loại, truyền thống và hiện đại. Liên hệ *bề ngang* và *bề dọc* của không gian, thời gian, thơ Chế Lan Viên thường tạo ra những bất ngờ thú vị khi liên tưởng, liên kết nhuần nhị các tiếng thơ, các hồn thơ đồng thanh, đồng điệu cổ, kim trong phạm vi đất nước và thế giới nữa. Điều quan trọng là tìm ra được mối tương quan, tương hỗ, tương tác giữa các sự kiện, hiện tượng cũng là giữa các tâm hồn, giữa các tấm lòng nghệ sĩ. Chỉ nói về *Kiều*, về Nguyễn Du, nhà thơ đã trở đi trở lại với rất nhiều tình huống, tâm trạng, suy tư, trong những thời điểm, thời kỳ khác nhau, từ thời bình đến thời chiến, từ buổi trung niên đến lúc đã vào hoàng hôn của tuổi. Luôn luôn tìm tòi dưới chân lý của ánh sáng mới thời đại. Như lời thơ có tính tuyên ngôn: “*Ta đồng thời với những gì Nguyễn Du chứa đựng thời*” (viết cho **Tuyên thơ Việt**

Nam 1945 - 1960). Hãy lướt qua nhanh những chặng đọc *Kiều. Đọc Kiều* xuất hiện từ *Ánh sáng và phù sa*. Ngày chống Mỹ, nhà thơ nhắc: “*Dẫu súng đạn nặng đường ra hoả tuyến/ Đi đường dài, em giữ Truyện Kiều theo*”. Sau chiến tranh, lại nhớ Tố Như, đọc lại *Kiều*. Như một thúc bách tự nhiên, nhà thơ rất chăm đọc Nguyễn Du. *Hái theo mùa có Đọc Kiều, Gửi Nguyễn Du. Hoa trên đá* có lỗi đọc lạ, như quay phim chậm tâm trạng: *Đọc chậm từng vàng trắng, từng nỗi buồn ly biệt/ Ta yêu Nguyễn có lúc như gió lùa nhanh ào ạt qua đèo/ Không hương rừng nào ngăn lại kịp (Thơ bình phương – Đồi lập phương). Ta gửi cho mình: Nghĩ thêm về Nguyễn. Ở Di cảo thơ I*, Chế Lan Viên viết *Kỷ niệm Nguyễn Du*, nhà thơ viết tiếp *Đọc Kiều (3)* ở *Di cảo thơ II* và cũng ở tập này, *Đọc Kiều một ngày kia* có một câu thơ tuyên ngôn quan trọng *Trong câu Kiều xưa, ta tìm ra Nguyễn Du mà tìm cả chính mình*. Tập III *Di cảo thơ* nói về “*cái hồn Kiều*” cũng là cái hồn Kiều ở *Sông Tiền Đường*. Trước mùa bệnh nghiệt ngã 1988, Chế Lan Viên gửi lại *Kỷ niệm về Nguyễn Du (2)* những triết lý về nhân thế về những chàng Kim và những cô Kiều trong cuộc truy tìm hạnh phúc ở đời. Thế đó, quan hệ hồn thơ là cả một đời!

Là một người có tri thức văn hoá uyên bác, lại từng là sứ giả của văn hoá, hoà bình trên diễn đàn quốc tế, Chế Lan Viên dẫn ta từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, từ khâm phục này đến ngưỡng mộ khác về nhiều bậc tài danh văn nghệ của nhân loại. Và qua đó, nhà thơ nói đến một quan hệ rộng mở không biên giới, rất phù hợp với xu thế toàn cầu và hội nhập ngày hôm nay.

Nhiều quan niệm nghệ thuật thơ đặc sắc của Chế Lan Viên cũng là sản phẩm của một tư duy biện chứng rất khoa học của nhà thơ. Rất phong phú là nội hàm của quan hệ *nội dung và hình thức* nghệ thuật của *truyền thống và hiện đại*, của *cái riêng và cái chung* trong sáng tạo. Từ đây là châm ngôn sáng tác, cũng là quy luật, là triết lý về thơ:

*Khi cây đã có trâm trong ruột
Lá đủ rồi, phải đợi gì hoa?*

...

*Lấy đá mới tạc nên thân mới
Mang nụ cười chưa có nghìn xưa*

Trong *tu duy nghệ thuật* Chế Lan Viên, có thể thấy nổi bật sự kết hợp các phương cách, các thủ pháp như tưởng tượng, liên tưởng, đối lập và từ đó là tác dụng tương tác, tương hỗ.

Cũng được nhắc đến như đặc sắc của Chế Lan Viên là *tu duy ý* và *tu duy hình*. Chế Lan Viên có năng lực đặc biệt trong việc xây dựng những ý tưởng mới lạ. Cảm xúc thơ vì vậy thường thấm đẫm suy tưởng. Nói về yêu nước nhưng là cảm thụ, là suy tưởng về Tổ quốc để từ đó đưa ra những ý niệm: *Sao chiến thắng, Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?* Chẳng hạn sự hy sinh, sự hiến thân cho đất nước, sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng quân chúng, sức sống của truyền thống: *Trời xanh biếc của người đầu tuyến lửa/ Nẻo Hùng Tinh từng quay hướng địa bàn ... Không ai có thể ngủ yên trong đời chật/ Buổi thủy triều vẫy gọi những vàng trăng... Ôi! Trường Sơn vĩ đại của ta ơi/ Ta tựa vào người kéo pháo lên đồi.* Rồi vị thế của Tổ quốc, dáng đứng Việt Nam... nhiều lần được nhắc đến trong thơ.

Nhà thơ Chế Lan Viên rất coi trọng về *lập ý, cấu tứ. Ngôn ngữ, hình ảnh* sẽ đúc xương cốt, đắp da thịt để thành thơ. Quan hệ ý – hình là quan hệ máu thịt, hữu cơ.

Tu duy triết học, kiểu triết học cũng là sở đắc của Chế Lan Viên khi đề cập rất nhiều mối tương quan biện chứng trong thơ, trong tính tại, nhất là trong vận động: nhân và quả, tiền triển và bột phát...

Ngoài ra có thể nói tới phương thức *tu duy tổng hợp* liên kết vận dụng nhiều phương pháp, cách thức, kiểu loại là một đặc sắc khác cũng là biểu hiện của một năng lực tư duy lớn bao trùm: tư duy khoa học.

2. Kiếm tìm bản lĩnh nghệ thuật mới

Từ khi thức nhận chức năng, nhiệm vụ của nhà thơ trong thời đại mới, Chế Lan Viên ráo riết đi tìm và tự tạo mình thành một *nhà thơ kiểu mới*.

Thời kỳ 1930 – 1945, trên văn đàn công khai đã hình thành lớp thi sĩ mang tính đại diện cao. Các tên tuổi Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Chế Lan Viên... ra các tuyên ngôn kỳ bí và vênh vang về nhà thơ. Cũng thời kỳ này, dòng văn học cách mạng đã sớm sản sinh ra những nhà thơ ưu tú của thời đại: Hồ Chí Minh, Tố Hữu... Các quan niệm cách mạng và chưa cách mạng đối chọi nhau đem lại

thắng thế cho một kiểu nhà thơ mới ra đời. Thơ nên có, phải có thép: “*Nhà thơ cũng phải biết xung phong*”.

Thế hệ **Thơ mới** được hồi sinh và kẻ trước người sau dần chín lại về nghệ thuật. Ấy là vì họ đã thực sự dần thân, nhập cuộc vào dòng chảy lịch sử mới, vào cuộc sống vô cùng sôi động trong lao động, chiến đấu gian lao và lâu dài của toàn dân.

Hoàn cảnh mới của thời đại đã góp phần quyết định tái tạo thân phận mới cùng đời sống nghệ thuật mới cho Chế Lan Viên. **Tiếng hát con tàu** chính là tiếng hát tâm hồn đồng hành trong cuộc viễn du để khai thác những quặng vỉa đời sống mới cho sáng tạo thơ ca để nhà thơ có thể cùng reo ca *Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát*. Đó phải là kết quả của sự mở tung cuộc đời nhỏ hẹp và lòng người đóng khép, để bứt phá ra đi, vượt lên mình. Cũng là để trở về với chính mình – tuy rằng có hơi chậm – tìm lại mình và bản lĩnh của mình: *Nay trở về ta lấy lại vàng ta*. Vàng của hồn thơ – vàng của lòng tin. **Ngoảnh lại mười lăm năm** so sánh hai con sông thơ thời xưa sông Mã, sông Thương cũng là để xác định dòng chảy cho thơ mình từ những năm 60, trong đó năm 1960 cũng mở ra một khai thông mới trong thời kỳ mới của thơ Chế Lan Viên: **Ánh sáng và phù sa**.

Hình thành dần trong Chế Lan Viên một kiểu nhà thơ mới khác xa hình ảnh những nhà thơ cao đạo, ẩn dật thời trung đại, cũng không còn bóng dáng của nhà thơ thoát ly, bàng quan, trốn chạy vô chính trị thời kỳ trước 1945. Giờ đây hiện rõ dần lên chân dung của nhà thơ nhập thế trong cuộc đời mới, và cao hơn thế, nhà thơ – chiến sĩ, biết xung phong và biết đi tiên phong. Những năm đánh Mỹ, Chế Lan Viên đã tự hào về đội ngũ nhà thơ đương thời, trong đó có mình. Đó là nhà thơ mang tư thế và khí thế thời đại.

*Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy
Bên những dũng sĩ đuổi xe tăng ngoài đồng và hạ trực thẳng rơi*

Cảm nhận đã thay đổi có tính cách mạng: *Khi riêng tây, ta thấy mình xấu hổ* là sự phủ định cái tôi cá nhân chủ nghĩa vị kỷ sâu xa xưa cũ. *Anh em bốn bề mà ta ở giữa* lại nói được nhận thức sâu sắc cái sức mạnh của cái tôi anh hùng tập thể mới cùng với cái ước vọng cao quý mãnh liệt thiết tha: “*Muốn trở thành hàm chông giết giặc/ Thành một hành hoa mát mắt cho đời*”.

Chế Lan Viên như vậy đã thấy mình trong đội ngũ kiểu loại nhà thơ mới, là chủ thể sáng tạo nghệ thuật mới.

Với khí thế mới ấy, phát huy tiềm lực nội tại, Chế Lan Viên nỗ lực tìm kiếm cho mình một đường thơ mới trong đại lộ thơ ca văn nghệ cách mạng. Cho đến cuối đời, Chế Lan Viên vẫn tỏ rõ là một nhà thơ có bản lĩnh nghệ thuật vững vàng, đầy cá tính sáng tạo và khát vọng khôn cùng cho lý tưởng thẩm mỹ tiến bộ.

Sự tìm được và tạo đúng một **thi pháp mới** là một thành công xuất sắc của đời thơ Chế Lan Viên. Đây chính là tập đại thành của sáng tạo nghệ thuật thơ Chế Lan Viên.

Từ lâu, Chế Lan Viên đã tiềm ẩn một khả năng trỗi dậy trong trường thơ **Loạn** và bước đầu đã có một số khởi động đột phá. Tuy nhiên, chỉ từ sau Cách mạng, rõ nhất từ 1960, mới có bước bút phá ngoạn mục.

Quan niệm nghệ thuật mới về con người là một phương diện cơ bản của thi pháp thơ Chế Lan Viên, có quá trình vận động qua nhiều chặng đường sáng tác.

“*Từ chân trời một người đến chân trời tất cả*”. Lúc tìm ra được một sự hoà hợp mới tôi- ta trong đời cũng là khi thấy ra được một hình mẫu nghệ thuật mới: **con người lý tưởng tập thể**, đồng thời với **con người ân tình cách mạng**: *Nước mắt ràn, ta cảm hết ơn sâu*. Sự phát hiện **thần chiến thắng là những chàng áo vải** trần thế đối lập với **Thần sấm** của siêu cường, siêu thanh, siêu âm và cũng... siêu hình trong mộng tưởng xâm lược. Chế Lan Viên đã nâng con người dân tộc trong những năm đánh Mỹ lên một tầm cao kỳ vĩ mới: **con người khí phách hào hùng** và **con người suy nghiệm lịch sử thời đại mới**.

Tuy nhiên, có một nhánh rẽ tư tưởng nghệ thuật. Đó là sự kết hợp phần nào, giữa sử thi và thể sự đời thường, giữa “*hoa ngày thường*” và “*chim báo bão*”. Con người thiên nhiên, con người hồn nhiên trong tình yêu lớn cuộc đời thấp thoáng đã có mặt trong thơ Chế Lan Viên, và đó là một dấu ấn đặc sắc của nhà thơ. Đã thấy có sự phát hiện khuynh hướng cấu trúc **lịch sử – tâm hồn** chân thực con người đương thời trong xu thế chung nổi bật thời ấy là khắc hoạ **lịch sử – sự kiện**.

Sau 1975, nhất là những năm cuối đời, kể cả trong mùa bệnh, với khuynh hướng chuyển mạnh về thể sự đời thường, đã xuất hiện ngày càng rõ trong thơ Chế Lan Viên quan niệm về **con người đạo đức thể sự đời tư, con người trải nghiệm, suy nghiệm triết lý**. Đây là sự trở lại mình trên một tầm cao của vòng

xoáy ốc mới. Rất sớm, Chế Lan Viên đã chuyển động kịp thời vào một quỹ đạo mới – quỹ đạo đổi mới thơ ca và nghệ thuật do sự thức tỉnh mới về cá nhân.

Quan niệm nghệ thuật mới về thế giới và lịch sử trong cảm quan nghệ thuật Chế Lan Viên đồng thời cũng có những chuyển biến mới.

Hình tượng **không gian nghệ thuật** được khắc hoạ ngày càng phong phú đa dạng đặc sắc.

Từ **không gian quá vãng siêu thực**, Chế Lan Viên đã tìm được một không gian mới mẻ, khác lạ, mênh mông mới. Đó là **không gian công cộng, không gian sử thi** của thời đại anh hùng mới giữ nước và dựng nước. Có những mô típ cũ nhưng đã mang những nội hàm mới và những ẩn dụ – tượng trưng hoàn toàn mới. *Trời sao cao như là chiến trận/ Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm... Không gian tâm tưởng, không gian thế sự đời tư* ngày càng chiếm lĩnh trang thơ, nhất là từ sau chiến tranh đến những năm cuối đời. Giờ đây là quê hương đất nước hiện tại với những khoảng trời riêng hồn nhiên đầm thắm. Xét kỹ đã xuất hiện màu sắc khác: màu sắc triết lý qua **không gian suy nghiệm**: có **Cái cây truyền kiếp, Sen hư tưởng**, lại có căn “gác nhớ” chứa đựng “vạn sông hồ” là “**cái trọng điểm giữa đất trời mà anh chốt giữ**” (**Di cảo thơ I**), cũng như bầu trời thần tiên tưởng tượng “**Mẹ cần ăn, anh cho nắm cỏ hái trên trời**” (**Di cảo thơ III**).

Về **thời gian nghệ thuật** cũng có thể phân loại đại thể: **Thời gian lịch sử xã hội, thời gian đời người** và **thời gian suy nghiệm triết lý**. Thời gian đầu và cuối đời có nét vừa đối nghịch (siêu thực – hiện thực) lại có nét đồng nhất: triết luận nhân sinh – dĩ nhiên với nhân sinh quan đã chọi nhau. Cũng khá nổi bật là **thời gian tâm trạng** hay **thời gian tâm tưởng**. Ở đây có sự đan xen hiện thực và tượng trưng (*hình thời gian, sông thời gian, ngọn gió thời gian, ngày trống không, đêm phù du...*), kết hợp chủ quan và khách quan, hiện thực và lịch sử: *Một phút đợi chờ sâu một bể thời gian/ Ngày rất ngắn là những ngày chiến đấu*. Thời gian **tích cực** là sự kiếm tìm triết luận rất có ý nghĩa trong thời đại mới: **Phải có thời gian, Ngày vĩ đại**. Bài **Đêm và ngày** là lời nhắn gửi sâu xa: *Đừng buồn đêm phù du/ Đã có ngày bất tử*.

Một đặc sắc đáng kể là kết hợp **không – thời gian** hoặc **thời – không gian** trong cảm xúc và suy tư. Trong mọi tình huống, quan niệm về thế giới và lịch sử đều mang ý nghĩa nhân đạo với hoàn cảnh cuộc sống và con người.

Thể tài mới – *thể tài trữ tình chính trị* của Chế Lan Viên vừa giống lại vừa khác với của Tố Hữu. Cũng là trữ tình với tư duy chính trị nhạy cảm, sắc bén nhưng thể tài này ở Chế Lan Viên giàu suy tư lịch sử và suy nghiệm triết lý hơn trong nét phong cách lớn *trữ tình – sử thi*.

Thể tài này đã phù hợp với *khuyh hướng nghị luận* (chính trị, triết học), tạo nên dấu ấn đặc biệt để phân biệt Chế Lan Viên với nhiều nhà thơ đương thời.

Thay đổi thi pháp bắt nguồn từ quan niệm mỹ học mới. Vì vậy, đó là sự đổi mới toàn diện và triệt để gần như toàn bộ hệ thống các phương thức và phương tiện biểu hiện nghệ thuật. Đó là thi pháp về hình ảnh, thi pháp về thể loại, thi pháp về ngôn từ với những đặc điểm mới lạ, độc đáo Chế Lan Viên.

3. Kiểm tìm quy luật nghệ thuật mới

Chế Lan Viên là nhà thơ – triết gia. Làm thơ là một hình thức hoạt động nghệ thuật phải tìm hiểu bản chất nghệ thuật, những quy luật chi phối sự tồn tại và phát triển nghệ thuật. Một đời làm thơ, đồng thời cũng một đời nghĩ về nghệ, nghĩ về thơ, nghĩ về nhà thơ.

Đời đời, đời thơ phải nhận thức được những quy luật chung nhất về đời và thơ, để từ đó tìm ra phương thức, phương châm hành động, hoạt động.

Có hai câu hỏi nổi tiếng trong đời Chế Lan Viên là *Ta là ai* và *Ta vì ai*. Câu trả lời có nhiều nhưng chung quy chỉ để giải quyết vấn đề *tồn tại và phát triển*.

Muốn *tồn tại* trước hết *phải có bản lĩnh, phải là một cá tính sáng tạo*. Đó là quy luật quan trọng bậc nhất. Nghệ sĩ là độc đáo, nghệ thuật không thể lặp lại, con người sáng tạo không thể *mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm*. Lại không thể là cái chung chung, thuộc về cái số chung mà thực ra là loại người lừng lờ: *Anh thuộc cái đa số, cái đội quân nhờ nhờ/ cái loại nhà thơ không ở đầu, không ở cuối/ Chân không đến đất, cật không đến trời*. Chế Lan Viên chế giễu loại “*nhà thơ tồi*” không có bản lĩnh như vậy: “*con nhện đời dệt tơ tầm*” là điều phi lý. Có lần nhà thơ đã phân loại *Thi sĩ, một chữ đồng âm mà dị nghĩa/ Có nhà thơ bùn lấp mắt dòng Người khác mở đường ra bể/ Kẻ bốn bề bát ngát xa trông*. Như vậy có nghĩa là có nhà thơ đích thực và có người chỉ là thợ vắn. Tài năng quyết định bản chất, bản lĩnh nhà thơ. Muốn sống được và phát triển được nghệ chỉ có con đường xác định và phát huy tài năng thực sự.

Minh chứng hùng hồn nhất cho tài năng là tác phẩm. Không đòi hỏi sự chín đều của thành quả nghệ thuật – tất nhiên – vì cũng có quy luật chín không đều như đối với một bông lúa, một chùm quả. Tuy nhiên, có một quy luật bao trùm: **quy luật kết tinh nghệ thuật.**

Người có tài thực sự phải có sản phẩm đạt chất lượng cao. Nhà thơ, nghệ sĩ phải là như vậy. Tác phẩm ấy là con đẻ tinh thần phải mang tính tiêu biểu cho tư tưởng nghệ thuật, cho phong cách nghệ thuật. Và không kể quy mô, sự kết tinh là tiêu chuẩn cao nhất.

Nhiều lần Chế Lan Viên đưa ra hình ảnh **viên muối bể**. Ngay cả lúc đuối sức, bất cập trong đau, “*vẫn là viên muối bể*” để “*mặn lòng*” thiên hạ.

Cũng nhiều lần nhà thơ nhắc đến **ngọc** – một sự kết tinh kì diệu khác của thiên nhiên: *Tiền sử của ngọc trai là thế ấy/ Ăn con sòng mà nuôi giọt máu*. Tuy nhiên, ngọc có nhiều loại ngọc mang vẻ đẹp khác nhau: ngọc lam, ngọc bích... khác nào những tài năng là đa dạng, cá tính sáng tạo là phong phú. *Dù là ngọc thì cũng nhiều viên ngọc/ Chớ phải đâu cứ xanh xanh vĩnh viễn một màu trời (Số tay thơ)*. Theo Chế Lan Viên, cái làm nên giá trị lâu dài cho một nhà thơ là sự kết tinh nghệ thuật đời thơ: ngọc tâm hồn!

Nhưng chính qua hình ảnh ngọc, Chế Lan Viên nói được rất nhiều về quan hệ tài năng thiên bẩm với sự rèn luyện tu dưỡng nghệ thuật. Từ đó nhà thơ tìm ra một **quy luật quan trọng là lao động nghệ thuật**. Đây cũng là những lập luận ở trong *Ngọc*.

*Chính trong lãng nhục của bùn
Tàn bạo của sóng
Mà tốc độ thành ngọc gia tăng
Chính trong sự thô bạo của thủy triều
Đã đẻ ra cái yên tĩnh của đôi lập
Chính những cú đánh vào tận phẩm giá ngọc
Mà ngọc định hình
Mỗi tia chớp lấp lánh cười kia là giọt lệ khóc
Càng những viên ngọc dữ
Càng sinh trưởng ở bể sâu*

Từ đây người đọc tiếp nhận được những triết lý về những quy luật khác. Có cái vui sinh nở qua những quặn đau. Ngọc phải được đối chọi với các thể lực, với các cuộc đối đầu. Nghĩa là sinh thành, tồn tại trong đối lập. Quy luật đấu tranh mà được thể hiện bằng phản biện, tranh luận qua quan niệm khác nhau là động lực của tồn tại và phát triển nghệ thuật. Suy rộng thêm còn có vấn đề thời gian. Đó là **quy luật sàng lọc, đào thải của thời gian** với giá trị nghệ thuật chân chính. Ngọc hay là sỏi, hay là cát bụi phải có sự thử nghiệm và trải nghiệm của dư luận, phải có hồi âm của người đọc. **Lệ ngọc** nói sâu sắc điều đó: Thơ anh được nhật tình cò từ bụi đất và được phát hiện: *Ồ, viên ngọc! Và những giọt lệ rung rung trên mi người đọc/ Ngọc của người còn trong gập máy/ Ngọc thơ anh.*

Thực ra nếu khai thác còn khá nhiều phát hiện liên quan. Nói tới quy luật sàng lọc, đào thải tức nói đến chủ thể của nó: bạn đọc. Điều này làm ta nghĩ tới **quy luật tiếp nhận**. Mỗi thời, dưới những ánh sáng của lý tưởng đời sống và nghệ thuật mới, lại có những cách đọc, cách thưởng thức mới. Cũng có nghĩa là giá trị tùy thuộc vào diễn biến thời sự và trình độ văn hoá đọc. Và cao nhất là sự đồng cảm, đầy sáng tạo của độc giả. Nhà thơ phải tạo ra những thế hệ bạn đọc thích ứng là như vậy. Tác phẩm có giá trị bất hủ thời nào, ở đâu cũng có độc giả. Nhà thơ nào cũng là người làm **nghề**. Trong bách khoa, bách nghệ phải kể nghề thơ. Chế Lan Viên một đời đã làm hết sức mình việc truyền nghề – không phải là khẩu truyền kinh nghiệm chủ nghĩa mà có lý luận - lý luận thâm thúy, xác thực qua đời trải nghiệm. Công việc này đầy tâm huyết vì nó gắn với cái **nghịệp** của nhà thơ. Ở đây ta còn đọc được một quan niệm thiết thân khác: đó là **quy luật tiếp nối thế hệ** nghề nghiệp. Quan niệm rất chính đáng nghiêm túc, vượt lên tất cả sự đố kỵ tài năng cá nhân, chỉ còn một ý chí vì sự nghiệp chung. *Đừng lấy hoàng hôn anh ngăn cản/ Ban mai của họ sinh thành (Đừng ngăn cản)*. Bởi đó cũng là triết lý *Người này cho ta và khi trả, ta trả cho người khác/ Người xưa cho ta, ta trả cho người sau (Cho và trả)*.

Chế Lan Viên là người một đời rèn luyện, bồi bổ, phát huy bản lĩnh nghệ thuật khi đã trả lời câu hỏi lớn có tính chất bản thể luận. Nhận thức được chân tài của mình, nhà thơ không ngưng nghỉ tự mài giũa “ngọc tâm hồn” *Để có thể đối thoại cùng trận đánh, màu hoa, đối cùng nhân loại...* Không thể “hoa đom đóm mắt lên bởi thi tài”. Phải biết “cái lửa bầm sinh” trời cho rồi cũng hết. *Trước mắt*

lại lù lù cái tảng đá Thiên Sơn khắc nghiệt/ Bắt anh đập đầu vào đó mà tìm thơ, tìm lửa (Nghề của chúng ta).

Lời đáp lớn về bản lĩnh nghệ thuật và triết luận tài năng nghệ thuật cũng là thông điệp lớn một đời Chế Lan Viên nhắn gửi cho hậu thế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chế Lan Viên (2001), *Diễn tàn* Thụy Ký, NXB Văn học, Hà Nội.
- [2] Chế Lan Viên (1981), *Múa rối và thơ – Nghệ cạnh dòng thơ*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [3] Chế Lan Viên (1960), *Ánh sáng và phù sa*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [4] Chế Lan Viên (1977), *Hái theo mùa*, Tác phẩm mới, Hà Nội.
- [5] Chế Lan Viên (1984), *Hoa trên đá*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [6] Chế Lan Viên (1986), *Ta gửi cho mình*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [7] Chế Lan Viên (1992), *Di cảo thơ I*, NXB Thuận Hoá, Huế.
- [8] Chế Lan Viên (1993), *Di cảo thơ II*, NXB Thuận Hoá, Huế.
- [9] Chế Lan Viên (1996), *Di cảo thơ III*, NXB Thuận Hoá, Huế.
- [10] Chế Lan Viên (1967), *Hoa ngày thường Chim báo bão*, Văn học, Hà Nội.
- [11] Đoàn Trọng Huy (2006), *Nghệ thuật thơ Chế Lan Viên*, Đại học Sư phạm Hà Nội.